

lại bằng số và phạt “nguội” nặng những xe né trạm thu phí. Ngoài ra, còn tổ chức một đội tuần tra sử dụng thiết bị điện tử để kiểm tra xem có xe ở khu vực trung tâm có nằm trong trạng thái vi phạm hay không. Trong thời gian đầu áp dụng, mức phí để đi vào khu vực thu phí là 30.000 đồng cho xe ô-tô từ 4-7 chỗ; 50.000 đồng cho xe ô-tô trên 7 chỗ và xe tải; các loại xe công và xe bus được miễn phí. Sau đó sẽ mở rộng chia làm 2 khung phí: giờ thấp điểm và giờ cao điểm, giờ thấp điểm vẫn mức phí ở trên và giờ cao điểm có mức phí lần lượt 50.000 đồng và 70.000 đồng cho 2 loại phương tiện.

Theo đề án, nhằm đảm bảo tính khả thi, ITP sử dụng phần mềm HOUTRANS (Qui hoạch tổng thể về giao thông đô thị TP.HCM) do Tổ chức hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) cung cấp, sau đó đưa vào các dữ liệu đầu vào hiện tại và dự báo của luồng giao thông, vận tốc giao thông, các đối tượng tham gia giao thông... để tính toán tác động của việc thu phí với hệ thống giao thông toàn thành phố. Ngoài ra, để tránh việc tăng quá mức lưu lượng giao thông ở các vành đai, ngoài thu phí, công ty đề nghị chỉ triển khai dự án sau khi các dự án giao thông như hầm chui Thủ Thiêm, Vành đai ngoài... được lưu thông xe.

ITP đề nghị với thành phố thực hiện dự án này theo phương án BTO (xây dựng - chuyển giao - vận hành) với tổng mức vốn đầu tư ban đầu là 1.300 tỷ đồng. Đơn vị thực hiện dự án sẽ là Công ty cổ phần liên doanh với vốn góp của Tiên Phong (32%), ngân hàng thương mại tham gia (10%), Công ty Tài chính Nhà nước TP.HCM (10%) và các cổ đông tư nhân khác (mỗi bên không quá 20%). Vốn chủ sở hữu của công ty là 400 tỷ và vốn vay là 900 tỷ đồng. Công ty này sẽ không thu phí trực tiếp mà chỉ nhận đầu tư ban đầu và vận hành, doanh thu của công ty là từ chi phí vận hành và chi phí hoàn vốn từ ngân sách nhà nước. Phía thành phố tiến hành thanh toán đầu tư ban đầu cho công ty trong vòng 5 năm, nếu không đủ sẽ kéo dài thêm thời gian hoàn vốn. Ngân sách thành phố được lợi từ nguồn thu phí, Thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty và tiền phạt xe trốn trạm. ITD cho rằng phương án này là tốt nhất vì sẽ chia sẻ rủi ro giữa các bên, và hệ thống thu phí là sở hữu của nhà nước nên làm giảm bớt ý kiến phản đối từ người dân. Ngoài ra, công ty cũng đề xuất UBND Thành phố thêm ưu đãi cho doanh nghiệp vận hành: miễn giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp như là một doanh nghiệp công nghệ cao, giảm thuế VAT cho thiết bị dự án, hỗ trợ đất xây văn phòng dự án và ưu đãi được tham gia hệ thống mở rộng trong tương lai. Tính toán từ mô hình trong báo cáo cho thấy lưu lượng phương tiện giao thông chung trên toàn thành phố sẽ giảm 9%, tại khu trung tâm sẽ giảm 28% và thời gian kẹt xe giảm 40%, lợi ích cho khu vực trung tâm 16 tỷ đồng/ ngày. Tính chung một năm tiết kiệm chi phí về mặt thời gian là 3.000 tỷ đồng và thu ngân sách trung bình mỗi năm 600 tỷ đồng. Nguồn thu này sẽ được thành phố đầu tư cho hệ thống hạ tầng giao thông.

Tuy nhiên, đề án cũng gặp nhiều ý kiến phản đối. Một số nghi ngờ việc thu phí như vậy liệu có thật sự làm giảm kẹt xe toàn thành phố hay không khi mật độ lưu thông toàn thành phố hiện nay rất cao; và ranh giới về tập trung hoạt động thương mại, dịch vụ giữa khu trung tâm quận 1 và các quận khác khá mờ nhạt thì tại sao chỉ thu phí riêng quận 1 và 3. Ý kiến khác cho rằng việc thu phí sẽ dẫn đến hành vi xe taxi đậu xe hoặc chạy xe lòng vòng khu quận 1 để đón khách có thể làm tăng áp lực xe ở khu vực trung tâm của quận 1, 3.

Đổi giờ làm và cấm giữ xe ở Hà Nội

Tại Hà Nội, thành phố nhanh chóng tiếp nhận chính sách mới của Bộ trưởng GTVT bằng việc tiến hành thực hiện biện pháp đổi giờ làm. UBND Hà Nội gửi văn bản đến các ban ngành để xin ý kiến. Các nơi này gửi lại bằng một đề xuất đổi giờ làm riêng của mình. Đến tháng 12 năm 2011, UBND và Hội đồng Nhân dân Hà Nội đã thông qua một phương án thực hiện vào tháng 2 năm 2012 và được phê duyệt bởi Bộ GTVT. Giờ làm được đổi như sau:

- Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở học từ 8h và kết thúc vào 17h, tiếp nhận học sinh từ 7h30 và quản lý học sinh đến 17h30 hàng ngày.
- Các trường đại học, học viện, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trung học phổ thông bắt đầu học từ trước 7h, kết thúc sau 19h.

- Thời gian làm việc của các cơ quan, tổ chức trung ương, thành phố, quận huyện, xã, thị trấn vẫn làm việc từ 8h và kết thúc vào 17h. Các trung tâm thương mại (trừ ngân hàng tài chính) bắt đầu làm việc từ 9h và kết thúc sau 19h.

Để hỗ trợ cho việc thay đổi giờ làm và nhu cầu di chuyển sớm vào buổi sáng và muộn hơn vào buổi chiều của sinh viên, Sở GTVT tăng chuyến xe bus để phục vụ. Cụ thể, 17 chuyến được kéo dài thời gian hoạt động thêm 30 phút từ 6h đến 19h30 so với 6h30 đến 19h và tăng tần suất giờ cao điểm lên 6-7 phút/chuyến so 10 phút/chuyến trước đó. Ngoài ra, các 6 tuyến xe bus nhanh cũng tăng từ 86 chuyến/ngày lên 127 chuyến/ngày. Sau hơn 1 tuần thực hiện, việc đổi giờ làm việc đã ảnh hưởng rất lớn đến một nhóm học sinh, sinh viên đi học và giáo viên làm việc trong các trường THPT nên giờ học của THPT được dời lại, kết thúc lúc 18h thay cho 19h như trước đó.

Một biện pháp khác cũng được UBND Hà Nội thực hiện chống vánh để chống ùn tắc giao thông. Vào tháng 11/2011, Sở GTVT phối hợp với các Sở khác trình một đề án liên ngành cấm đậu xe, trông giữ trên vỉa hè và lòng đường trên các tuyến phố tại 7 quận nội ô Hà Nội. Đề án này cấm giữ xe trên 274 tuyến phố theo tiêu chí như sau:

- Các tuyến phố có mặt cắt ngang nhỏ hơn 7,5m và vỉa hè có mặt cắt ngang nhỏ hơn 5m;
- Trục giao thông, đường vành đai, tuyến đường hướng tâm có lưu lượng phương tiện giao thông lớn, các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe nằm cạnh các ngã ba, ngã tư, các tuyến phố đưa đón đoàn ngoại giao và các khu vực bảo vệ.

Còn lại 231 tuyến phố sẽ tiếp tục duy trì cấp phép trông giữ xe và đậu xe. Đề án này được trình và sau đó phê duyệt rất nhanh mà gần như không tham khảo ý kiến phản biện của công luận. Đến 6/2/2012, đề án được phê duyệt và tiến hành với số tuyến phố thực hiện chỉ còn 262 tuyến so với 274 so với đề án ban đầu. Mặc dù, quy định mới làm giảm một lượng lớn diện tích đậu xe nhưng TP Hà Nội hoàn toàn không có đánh giá tác động và không đưa ra các phương án bổ sung để tăng diện tích đỗ xe ở các tuyến đường bị cấm. Do đó, việc thực hiện đề án này không thật sự suôn sẻ. Đầu tiên, là khái niệm mập mờ giữa cấm “trông giữ xe” có bao gồm cấm việc người dân có dừng hoặc đậu xe trên vỉa hè nhà mình hay không, do đó việc xử lý các trường hợp vi phạm rất khó khăn. Nếu xử lý vi phạm đúng theo nghĩa “cấm dừng xe” thì ảnh hưởng rất lớn việc kinh doanh của các cửa hàng mặt tiền, do đó các hộ này kiến nghị lên chính quyền quận. Các quận này đành phải kiến nghị cho đậu xe trên vỉa hè có chiều rộng trên 3m. Nhưng do số lượng các đường này không nhiều nên các đường có vỉa hè dưới 3m cho đậu xe xiên trên vỉa hè nhằm tạo điều kiện cho các cửa hàng có thể hoạt động.

Thứ hai, do nhu cầu giữ xe rất lớn, dẫn đến nhiều chỗ đậu xe nhanh chóng được mở ra trong các ngõ nhỏ, lượng xe vốn được đậu ở vỉa hè và lòng đường đã chuyển sang đậu ở các ngõ nhỏ của các tuyến đường chính. Các chỗ này không được cấp phép và quản lý do đó xảy ra tình trạng tăng giá cao hơn quy định tiếp tục gây phản ứng của những người đi làm việc có nhu cầu gửi xe. Ngay lập tức trước sự phản ứng từ nhiều phía, chỉ sau 1 tuần thực hiện cấm đỗ xe, Sở GTVT chữa cháy nhanh bằng cách làm rõ quy định trong 262 tuyến phố trước đó là “cấm trông giữ xe” thì chỉ có 54 tuyến phố là phải cấm dừng, đỗ xe ở lòng lề đường và vỉa hè.

Thực tế vào năm 2003, TP Hà Nội giao cho Công ty khai thác điểm đỗ xe Hà Nội lập 9 dự án đầu tư bãi giữ xe bằng vốn ngân sách với diện tích hơn 42 ha. Tuy nhiên, ba năm sau, TP Hà Nội với chủ trương xã hội hóa đã tư nhân hóa các dự án trên. Nhiều bãi giữ xe đã biến đổi thành các trung tâm thương mại, thậm chí 1 bãi giữ xe còn được xây dựng thành trụ sở của Sở Kế Hoạch Đầu Tư. Cũng trong năm 2003, thành phố cũng quy hoạch đến 2010 thêm 34 bãi giữ xe nhưng hoàn toàn không được thực hiện. Trả lời phóng vấn báo VnExpress, Phó giám đốc Sở Giao thông vận tải Hà Nội cho biết rằng các dự

án giữ xe này hiệu quả kinh tế không cao do thiếu hỗ trợ về chính sách nên đã được chuyển đổi thành các dự án khác.⁸

Đề án của Bộ Giao thông Vận Tải về các loại phí xe cá nhân ở thành phố lớn

Theo một hướng khác, Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải đã ký Tờ trình số 8868/TTr-Bộ GTVT ngày 28/12/2011 với Chính phủ xem xét trình Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về đề án chống kẹt xe bằng việc thu phí đối với xe cá nhân - mà cụ thể là xe máy ở 5 đô thị lớn. Mức thu phí thấp nhất là 500.000 đồng cho xe máy có dung tích xy-lanh dưới 175cc và cao nhất là 50.000.000 đồng cho xe ô-tô các loại có dung tích xy-lanh hơn 3000cc. Bộ trưởng cho rằng đề án này là rất công bằng khi các phương tiện sử dụng nhiều cơ sở hạ tầng phải trả nhiều phí hơn, còn người đi bộ và đi xe đạp không sử dụng nhiều sẽ trả phí ít hơn. Nguồn phí thu được sẽ dùng như sau: cơ quan thu phí đối với ô-tô được để lại 1,5%; cơ quan thu phí mô-tô được để lại 5% số thu để chi cho công tác tổ chức thu, số còn lại được dùng để tạo nguồn chi cho các giải pháp chống ùn tắc giao thông và giảm thiểu tai nạn giao thông.

Ngoài ra, cơ quan quản lý cũng xây dựng hệ thống thu phí thí điểm vào khu trung tâm giờ cao điểm tại 5 thành phố lớn với mức phí là 30.000 đồng/lượt đối với xe ô-tô chở người đến 7 chỗ ngồi, 50.000 đồng/lượt đối với các loại ô-tô còn lại và miễn phí đối với xe công, xe bus. Dự tính giờ cao điểm buổi sáng từ 6h - 8h30; chiều từ 16h - 19h (trừ các ngày lễ thứ 7, Chủ nhật). Đề xuất này của bộ GTVT gặp một số ý kiến phản đối, một trong đó cho rằng mức phí như vậy là khá cao so với thu nhập người dân ở Việt Nam trong khi người dân đã phải đóng quá nhiều phí khi tham gia giao thông (xem phụ lục 10). Ý kiến khác tiếp tục lại đề cập đến tính khả thi của dự án thu phí vào khu vực trung tâm.

⁸ <http://vnexpress.net/gl/xa-hoi/2012/02/34-diem-do-xe-ha-noi-van-nam-tren-giay/>

<http://vnexpress.net/gl/xa-hoi/2012/02/nhieu-bai-do-xe-thu-do-bien-thanh-trung-tam-thuong-mai/>

<http://vnexpress.net/gl/xa-hoi/2012/02/ha-noi-chua-quan-tam-dau-tu-bai-do-xe/>, tất cả truy cập vào ngày 31/3/2012

Phụ Lục 1: Một số chỉ tiêu về dân số, thu nhập và giao thông của TP. HCM

Năm	Dân Số	Số lượng xe máy (nghìn)	Số lượng ô-tô (nghìn)	Thu nhập đầu người (USD theo giá thực tế)
2000	5.249	1.571	131,0	996
2001	5.449	1.970	-	1.032
2002	5.659	2.285	158,2	1.106
2003	5.867	2.306	221,7	1.235
2004	6.063	2.429	253,0 (115,0 tư nhân)	1.433
2005	6.24	2.623	267,8	1.664
2006	6.425	2.903	296,1	1.847
2007	6.602	3.406	399,0 (202,0 tư nhân)	2.154
2008	7.000	-	-	2.419
2009	7.202	-	-	2.530
2010	7.396	-	-	2.871
2011	-	5.519	493,3	-

Nguồn: Niên giám Thống kê TP. HCM, Sở Giao thông Vận Tải Hồ Chí Minh

Phụ lục 2: Phí trước bạ, khung phí cấp biển số của Bộ Tài chính và mức áp dụng của Hà Nội

Chi tiêu	Mức cũ áp dụng của Hà Nội	Mức khung của Bộ Tài	Mức mới áp dụng của Hà Nội*
Thuế trước bạ cấp lần đầu	12%	10 – 20%	20%
Thuế trước bạ lần hai	12%	10 – 20%	12%
Ô tô dưới 10 chỗ không kinh	150,000 đồng	2,000,000 - 20,000,000 đồng	20,000,000 đồng
Ô tô khác không kinh doanh	2,000,000 đồng đồng	150,000 - 500,000 đồng	500,000 đồng
Xe máy trị giá dưới 15 triệu	500,000 đồng	500,000 - 1,000,000 đồng	500,000 đồng
Xe máy trị giá từ 15 - 40 triệu	1,000,000 đồng đồng	1,000,000 - 2,000,000 đồng	2,000,000 đồng
Xe máy trị giá trên 40 triệu	2,000,000 đồng đồng	2,000,000 - 4,000,000 đồng	4,000,000 đồng

* Tháng 12/2012, Bộ Tài chính lại đề xuất giảm phí trước bạ xuống còn tối đa 15% cho lần đầu và dưới 2% cho các lần tiếp theo

Nguồn: Tổng hợp từ <http://www.tapchithue.com/c25t16198-ha-noi-tang-kich-tran-nhieu-loai-le-phi-oto-xe-may.htm>, truy cập ngày 21/11/2012

Phụ lục 3: Một số chỉ tiêu về xe bus và xe taxi TP HCM

	2002	2005	2009	2010
Số lượng xe bus	2,100	3,250	3,096	2,988
Số lượng xe thuộc nhà nước	68	648	677	678
Số lượng được quy đổi thành xe bus 50 chỗ	848	3,049	3,220	3,108
Số lượng tuyến	97	143	148	148
Số lượng tuyến được trợ giá	45	98	112	-
Chiều dài các tuyến đường	1,542	2,730	3,489	3,501
Các tuyến được trợ giá	-	-	2,113	-
Số lượng xe bus 50 chỗ /1000 dân	0.15	0.49	0.45	0.42
Số lượt sử dụng trong đó	103.5	208.7	342.1	360.3
Xe được tổ chức	36.2	208.7	342.1	360.3
Xe được trợ giá	21.4	199.7	297.2	326.7
Tỷ lệ phần trăm số trên tổng lượt di chuyển	2.2%	-	-	5.4%
Trợ giá (tỷ đồng, giá danh nghĩa)	40	424	781	841
Trợ giá trên tỷ lệ % ngân sách TP	0.39%	21%	1.73%	1.79%
Trợ giá trên mỗi hành khách				
Giá danh nghĩa	1,848	2,124	2,628	2,575
Giá năm 2002	1,848	1,719	1,369	1,224

Nguồn: Sở Giao thông Vận tải TP.HCM

Phụ lục 4: Phí quyền đấu giá sử dụng ô-tô ở Singapore tháng 2/2012

	Mục A : Ô-tô (1600 cc trở xuống) và taxi		Mục B : Ô-tô (1600 phân khối trở lên)		Mục D : Mô-tô hai bánh		Mục C : Xe chở hàng hóa và xe bus		Mục E : Tất cả các loại xe	
	Đấu giá lần 1	Đấu giá lần 2	Đấu giá lần 1	Đấu giá lần 2	Đấu giá lần 1	Đấu giá lần 2	Đấu giá lần 1	Đấu giá lần 2	Đấu giá lần 1	Đấu giá lần 2
Số lượng quota	619	624	350	351	162	164	412	413	312	314
Số lượng quyền sử dụng xe được đấu giá thành công	571	607	346	348	158	149	409	389	312	296
Số lượng tham gia	1,058	1,017	635	580	307	248	512	509	425	507
Phí sử dụng xe	\$52,809	\$57,009	\$73,890	\$78,189	\$49,801	\$52,004	\$1,802	\$2,012	\$73,801	\$78,000

Nguồn: báo cáo của <http://www.onemotoring.com.sg>

Phụ lục 5: Các phí phải trả khi đăng kí sử dụng xe ô-tô 4 bánh cá nhân ở Singapore

Phí đăng kí	\$140
Lệ phí trước bạ (Additional Registration Fee)	130% giá OMV* **
Thuế tiêu thụ đặc biệt	20% giá OMV
Phí đấu giá quyền sử dụng xe	Như bảng ở trên
Phí đường bộ	400 - >3000\$ / hàng năm ***
Phụ phí đường bộ	10 - 50%**** của phí đường bộ hàng năm

*OMV: Open Market Value.

** Dao động 100 – 130%, đối với xe “sạch” (hybrid, pin nhiên liệu, khí hidro) được giảm từ 40% phí trước bạ. Xe sử dụng dưới 10 năm mà đăng kí ngừng sử dụng cũng được hoàn từ 50 – 75% thuế trước bạ đã đóng.

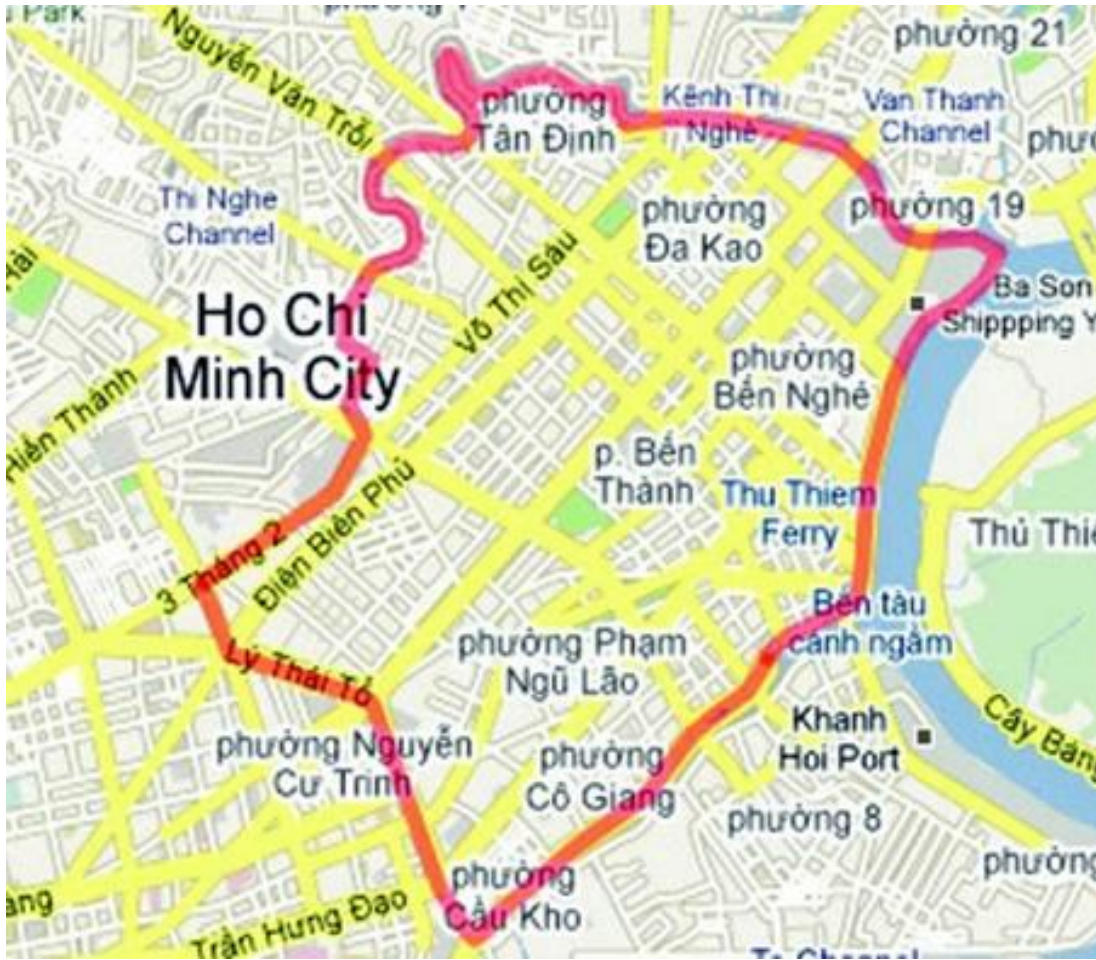
*** Tính theo dung tích xy-lanh, có ưu đãi khoảng 50% cho xe “sạch”.

**** Tính tăng dần cho các xe sử dụng trên 10 năm.

Ghi chú: thuế và phí cho các loại xe khác như xe chở hàng hóa, xe taxi, xe mô-tô 2 bánh, xe bus có cách tính khác và thường thấp hơn. Tham khảo thêm tại <http://www.lta.gov.sg>

Nguồn: Cục Giao thông Đường Bộ Singapore (Singapore Land Transport Authority - <http://www.lta.gov.sg>)

Phụ lục 6: Bản Đồ khu vực thu phí vào khu vực trung tâm ở TP HCM



Phụ lục 7: Mức thu phí giao thông theo đề án của Công ty TNHH Tiên Phong

Loại xe	Ô-tô 4 – 7 chỗ	Xe tải, xe khách	Xe bus, Xe công
Giờ thấp điểm	30.000 đồng	50.000 đồng	Không thu
Giờ cao điểm	50.000 đồng	70.000 đồng	

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Thu phí xe Ô-tô lưu thông vào Trung tâm Thành phố để hạn chế ùn tắc giao thông

Phụ lục 8: Phân tích chi phí - lợi ích của dự án

Đơn vị: tỷ đồng

Năm vận hành	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Dòng tiền ròng với nhà nước											
Tổng thu phí vào trung tâm	-	597	747	930	1,000	1,055	1,113	1,161	1,212	1,265	1,320
Thu Thuế TNDN công ty vận hành	-	22	8	17	16	13	15	14	14	13	12
Thu xử phạt xe vi phạm	-	178	51	41	42	44	46	48	50	53	55
Chi phí Ngân hàng thu hộ	-	-6	-8	-9	-10	-11	-11	-12	-12	-13	-13
Chi phí hoàn vốn và lãi vay đầu tư dự án	-	-340	-340	-340	-340	-340	0	0	0	0	0
Chi phí vận hành trả doanh nghiệp	-	-149	-187	-232	-250	-264	-278	-290	-303	-316	-330
Dòng tiền ròng hàng năm cho ngân sách	0	301	271	405	459	499	885	922	961	1,001	1,043
Phân tích chi phí - lợi ích tài chính đối với doanh nghiệp vận hành											
Tổng Doanh thu	0	489	526	572	590	604	278	290	303	316	330
Tổng chi phí	-39	-364	-495	-506	-525	-551	-218	-233	-248	-265	-283
Lợi nhuận trước thuế	-39	125	32	66	65	53	60	57	55	51	47
Phân tích chi phí - lợi ích kinh tế chung											
Tổng chi phí kinh tế	-1,036	-223	-273	-281	-304	-341	-370	-393	-429	-472	-512
Chi phí đầu tư và vận hành hệ thống thu phí	-1,036	-111	-148	-159	-168	-189	-200	-204	-218	-237	-249
Chi phí phát sinh xã hội	0	-110	-123	-120	-134	-149	-167	-186	-207	-231	-258
Chi phí ô nhiễm do tăng HC	0	-2	-2	-2	-2	-3	-3	-3	-4	-4	-5
Tổng lợi ích kinh tế	0	4,281	4,927	5,640	6,493	7,478	8,610	9,917	11,419	13,153	15,148
Tiết kiệm thời gian	0	4,076	4,699	5,417	6,245	7,200	8,301	9,571	11,033	12,721	14,666
Giảm chi phí lái xe	0	198	220	215	239	268	298	333	372	415	463
Giảm khí NOx (Oxit Nito)	0	0.2	0.2	0.2	0.3	0.3	0.3	0.4	0.4	0.5	0.5
Giảm CO2	0	7	8	8	9	10	11	13	14	16	18
Lợi ích ròng	-1,036	4,058	4,654	5,359	6,189	7,137	8,240	9,524	10,990	12,681	14,636

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi Thu phí xe Ô-tô lưu thông vào Trung tâm Thành phố, Công ty TNHH Tiên Phong.

Phụ Lục 9: Đề xuất mức thu phí lưu thông đô thị của Bộ Giao Thông Vận Tải

Thứ tự	Loại phương tiện	Mức thu (đồng/năm)
1	Xe ô-tô chở người từ 9 chỗ ngồi chở xuống (kể cả xe ô-tô vừa chở người, vừa chở hàng)	
a	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm ³ trở xuống	20.000.000
b	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm ³ đến 3.000 cm ³	30.000.000
c	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm ³	50.000.000
2	Xe mô-tô (xe mô-tô hai bánh, xe mô-tô ba bánh) của các thành phố Hà Nội, TPHCM, Đà Nẵng, Cần Thơ và Hải Phòng	
a	Loại có dung tích xi lanh dưới 175 cm ³	500.000
b	Loại có dung tích xi lanh từ 175 cm ³ trở lên	1.000.000

Nguồn: Tờ trình 8868/TTr-BGTVT của Bộ Giao Thông Vận Tải

Phụ lục 10: Các loại thuế và phí phải trả khi mua xe ô-tô ở Việt Nam

Đã thực hiện	Thuế tiêu thụ đặc biệt ô-tô nguyên chiếc	45 - 65% giá xe
	Thuế nhập khẩu ô-tô nguyên chiếc	70% khu vực ASEAN (AFTA)*, 72 - 82% giá xe từ khu vực khác
	Thuế nhập khẩu Linh kiện để lắp ráp trong nước	Trung bình 30%
	Thuế VAT	10%
	Phí trước bạ	20% với Hà Nội, 15% với TPHCM và 10% với các tỉnh còn lại
	Phí cấp biển số	20 triệu đồng với Hà Nội, 2 triệu đồng TPHCM
	Đăng kiểm	160.000 - 400.000 đồng
	Phí bảo vệ môi trường (chuyển từ Phí xăng dầu từ ngày 1/1/2012)	1.000 đồng/lít, dầu diesel 500 đồng/lít; dầu hỏa, dầu mazut, dầu nhòn là 300 đồng/lít; mỡ nhòn 300 đồng/kg
	Phí cho quỹ Bình ổn giá xăng dầu	300đồng/ lít
Vừa được thực hiện	Phí bảo trì đường bộ (Bộ Tài Chính)**	<p>Ô-tô 7 nhóm: 180.000 - 1.040.000 đồng/tháng. Mô-tô và xe máy được chia làm 4 nhóm: 80.000 - 150.000 đồng/năm</p> <p>Từ sau khi có quỹ này, sẽ không thu phí đường bộ trên các trạm thu nộp ngân sách trên các tuyến quốc lộ mà chỉ thu tại trạm xây dựng the phương thức BOT và hình thức hợp tác khác</p>
Đề án	Phí lưu thông ở Đô thị (Bộ Giao thông Vận Tải)	<p>Ô-tô: 20 - 50 triệu đồng/tháng. Mô-tô và xe máy: 500.000 - 1.000.000đồng/tháng cho xe ở 5 đô thị lớn trực thuộc trung ương</p>

* Theo cam kết AFTA: mức 70% áp dụng cho năm 2011, cứ 1 năm giảm thêm 10%, đến 2015 còn 15% và năm 2018 còn 0%

** Vào thời điểm tháng 12/2012, phí này đã được ban hành và có hiệu lực ngày 1/1/2013

Nguồn: Tổng hợp từ các văn bản pháp luật và cam kết thương mại quốc tế của Việt Nam